

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST

Ngày: 25-6-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon
2. Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 25 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1995;

Nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2019.

- Bị đơn:

1. Ông Đinh Văn O, sinh năm: 1959;

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1967;

Cùng nơi cư trú: Số 556, ấp N, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị T có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông O, bà Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khOi kiện đề ngày 12/02/2019, biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019 của anh Trần Thanh P; Biên bản hòa giải ngày 05/4/2019, ngày 25/4/2019 và trong quá trình xét xử:

** Nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày:*

Ông Đinh Văn O và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng, vào ngày 20/6/2017 ông O và bà Đ có đến Cửa hàng của anh tại khóm B, thị trấn T vay tiền. Căn cứ Hợp đồng vay tiền số 20062017 ngày 20/6/2017 anh P cho ông O, bà Đ vay số tiền gốc 12.750.000đ, lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, mỗi tháng trả gốc, lãi là 1.190.000đ, thời gian bắt đầu trả nợ là ngày 20/7/2017 đến hạn cuối cùng là ngày 20/6/2018. Số tiền gốc là 12.750.000đ, lãi là 1.530.000đ, tổng cộng là 14.280.000đ, việc ông O, bà Đ vay tiền để làm gì thì anh không biết. Sau khi ký hợp đồng anh đã giao đủ số tiền vay cho ông O, bà Đ, căn cứ biên nhận nhận tiền ngày 20/6/2017. Hợp đồng vay tiền và biên nhận nhận tiền vay đều ký kết tại cửa hàng của anh, nội dung hợp đồng vay và biên nhận là anh soạn sẵn, ông O, bà Đ ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng và biên nhận nhận tiền. Sau đó ông O, bà Đ trả được 10 tháng (đến ngày 20/4/2018) với số tiền là 11.900.000đ, còn lại 02 tháng (từ ngày 20/5/2018 đến 20/6/2018) với số tiền là 2.380.000đ ông O, bà Đ không trả nữa, hiện nay ông O, bà Đ còn nợ anh số tiền 2.380.000đ. Anh đến nhà gặp ông O, bà Đ nhiều lần nhưng ông O, bà Đ không chịu trả, hiện nay ông O, bà Đ vẫn còn sinh sống tại địa P và cư trú tại Số nhà 556, ấp N, xã A, huyện B.

Nay anh Trần Thanh P yêu cầu ông O, bà Đ trả lại số tiền còn nợ là 2.380.000đ (*Hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*).

** Bị đơn ông Đinh Văn O và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông O, bà Đ không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khOi kiện của anh P, cũng như tham dự phiên hòa giải, phiên tòa nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông O, bà Đ về việc yêu cầu khOi kiện của anh P.*

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày: Vào tháng 5/2019 thì ông Đinh Văn O có trả cho anh P số tiền 1.000.000đ, nay chị xin thay đổi yêu cầu khOi kiện chỉ yêu cầu ông O trả lại số tiền nợ là 1.380.000đ. Rút lại yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị Đ, không yêu cầu bà Đ liên đới với ông O trả lại số tiền vay còn nợ, do bà Đ không có ký tên trong hợp đồng vay tài sản. Chị T đại diện cho anh P cam kết chữ ký và chữ viết tên người vay tiền ông Đinh Văn O trong hợp đồng vay tiền là của ông O, nếu sai sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, riêng đối với bị đơn ông O được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn

bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2 và quyết định đưa vụ án ra xét xử nên phải hoãn phiên tòa, như vậy bị đơn chưa thực hiện đúng Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khOi kiện của anh P buộc ông O có trách nhiệm trả số tiền là 1.380.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, ông O, bà Đ hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú O ấp N, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khOi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông O, bà Đ vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy ông O, bà Đ đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông O, bà Đ vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong hợp đồng vay tiền, tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bà Đ và bà Đ nhận thay cam kết giao lại cho ông O (do bà Đ là vợ ông O), nhưng ông O, bà Đ không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông O, bà Đ là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 20/6/2017, anh P khOi kiện yêu cầu ông O trả lại số vay còn nợ 1.380.000đ (*Một triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*), vì cho rằng ông O vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng vay tiền đã được ký kết vào ngày 20/6/2017 và đã thực hiện xong, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về nội dung vụ án: Anh Trần Thanh P khOi kiện yêu cầu ông O trả lại số tiền vay gốc, lãi là 1.380.000đ (*Một triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*) là có cơ sở chấp nhận, căn cứ vào hợp đồng vay tiền và biên nhận nhận tiền ngày 26/5/2017, việc anh P cho ông O vay tiền là có thật đã xảy ra, ông O đã nhận đủ tiền vay, nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận hợp đồng trả gốc lãi hàng tháng, từ khi vay cho đến nay ông O, bà Đ chỉ trả được số tiền 11.900.000đ, từ tháng 6/2018 đến nay ông O không trả tiền gốc lãi cho anh P nên đã vi phạm hợp

đồng vay tiền ngày 20/6/2017, đến tháng 5/2019 ông O trả thêm cho ông P được 1.000.000đ, nên còn nợ lại số tiền 1.380.000đ. Do vậy yêu cầu khOi kiện của anh P là có cơ sO chấp nhận nên buộc ông O trả lại số tiền vay gốc lãi còn nợ là 1.380.000đ (*Một triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*) phù hợp với quy định tại Điều 463, 468 BLDS năm 2015. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khOi kiện của anh P buộc ông O có trách nhiệm cá nhân trả lại cho anh P số tiền vay gốc lãi 1.380.000đ (*Một triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*). Anh P không yêu cầu tính lãi, cũng như điều chỉnh lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do ông Đinh Văn O đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông O không có văn bản trình bày ý kiến về việc khOi kiện của anh P, cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh về việc có nợ của anh P hay không, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của ông O đối với số tiền nợ nêu trên.

Tại phiên tòa chi T đại diện theo ủy quyền của ông P rút lại yêu cầu khOi kiện đối với bà Nguyễn Thị Đ, không yêu cầu bà Đ liên đới với ông O trả lại số tiền nợ 1.380.000đ, do bà Đ không có ký tên trong hợp đồng vay tài sản, do nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khOi kiện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu của ông P về việc yêu cầu bà Đ liên đới với ông O trả lại số tiền vay còn nợ.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn ông Đinh Văn O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
- Nguyên đơn anh Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Căn cứ khoản 2, Điều 244, điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khOi kiện của anh Trần Thanh P đối với ông Đinh Văn O.

Buộc ông Đinh Văn O có trách nhiệm liên cá nhân trả lại cho anh Trần Thanh P số tiền vay nợ 1.380.000đ (*Một triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khOai kiện của ông Trần Thanh P đối với bà Nguyễn Thị Đ về việc buộc bà Đ liên đới với ông Đình Văn O trả lại số tiền gốc, lãi còn nợ theo Hợp đồng vay tài sản số 20062017 ngày 20/6/2017.

3/ Về án phí:

- Ông Đình Văn O phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số BH/2017- 0004604 ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/6/2019). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Bích Thơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

